

DANH SÁCH

Đối tượng bảo trợ xã hội điều chỉnh mức chuẩn trợ cấp hàng tháng xã Ba Giang theo NĐ76/2024/NĐ-CP
(Kèm theo Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ	Diện đối tượng	Số Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Hệ số trợ cấp	Mức trợ cấp cũ theo Nghị định số 20/NĐ-CP	Mức trợ cấp Mới theo Nghị định số 76/NĐ-CP	Ngày hưởng
1	Phạm Thị Am	01/01/1977	Ba Nhà	Chăm sóc: NKT đặc biệt nặng được nuôi dưỡng trực tiếp, chăm sóc	2134	23/08/2022	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
2	Phạm Văn Bảo	10/04/2024	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	1202	26/04/2024	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
3	Phạm Thị Chơi	01/01/1941	Ba Nhà	NKT nặng là NCT	3623	30/07/2021	2,0	720.000	1.000.000	01/07/2024
4	Phạm Thị Côn	29/08/2021	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	3909	14/11/2022	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
5	Phạm Thị Đên	01/01/1948	Ba Nhà	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	974	03/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
6	Phạm Thị Đênh	01/01/1934	Ba Nhà	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	1051	11/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
7	Phạm Thị Thúy Diễm	21/03/2024	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	1032	09/04/2024	1,50	540.000	750.000	01/07/2024

8	Phạm Thị Huyền Diệu	24/04/2024	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	1352	09/05/2024	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
9	Phạm Văn Dinh	01/01/1980	Ba Nhà	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	6087	28/10/2021	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
10	Phạm Văn Đồng	01/01/1938	Ba Nhà	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	1050	11/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
11	Phạm Thị Kim Dung	26/10/2021	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	2138	23/08/2022	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
12	Phạm Thị Hận	01/01/1982	Ba Nhà	Người đơn thân nghèo đang nuôi 03 con	3602	30/07/2021	3,0	1.080.000	1.500.000	01/07/2024
13	Phạm Văn Hoi	01/01/1948	Ba Nhà	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	973	03/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
14	Phạm Văn Hôm	01/01/1985	Ba Nhà	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	2133	23/08/2022	2,0	720.000	1.000.000	01/07/2024
15	Phạm Thị Ngọc Hương	18/01/2024	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	784	28/03/2024	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
16	Phạm Nguyên Khôi	23/10/2023	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	538	04/03/2024	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
17	Phạm Thị Lã	01/01/1946	Ba Nhà	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	996	05/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024

18	Phạm Thanh Lăng	29/10/2021	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	3903	14/11/2022	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
19	Đình Hoàng Long	20/04/2024	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	1529	23/05/2024	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
20	Phạm Thanh Lung	12/10/2021	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	399	02/03/2023	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
21	Phạm Văn Minh	26/09/2021	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	1674	29/06/2022	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
22	Phạm Thị Kim Ngân	15/10/2021	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	1679	29/06/2022	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
23	Phạm Thị Ngật	01/01/1936	Ba Nhà	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	968	03/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
24	Phạm Thị Nghiệp	01/01/1949	Ba Nhà	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	696	03/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
25	Phạm Thị Ngược	01/01/1935	Ba Nhà	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	3607	30/07/2021	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
26	Phạm Văn Nữ	01/01/1938	Ba Nhà	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	1108	16/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024

27	Phạm Thị Thủy Oanh	24/05/2022	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	2147	23/08/2022	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
28	Phạm Văn Rầy	01/01/1942	Ba Nhà	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	721	25/03/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
29	Phạm Văn Ma Rơ	01/01/1974	Ba Nhà	NKT nặng từ 16-60 tuổi	3619	30/07/2021	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
30	Phạm Văn Úc Sơn	25/02/2022	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	3904	14/11/2022	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
31	Phạm Quốc Sự	04/10/2023	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	190	15/01/2024	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
32	Phạm Văn Thắng	01/01/1948	Ba Nhà	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	970	03/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
33	Phạm Thị Thanh Thảo	11/11/2023	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	192	15/01/2024	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
34	Phạm Thị Ngọc Thi	18/10/2022	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	3907	14/11/2022	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
35	Phạm Minh Tiến	25/02/2024	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	742	27/02/2024	1,50	540.000	750.000	01/07/2024

36	Phạm Thị Ứng	01/01/1949	Ba Nhà	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	1128	19/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
37	Phạm Thị Vân	30/03/2011	Ba Nhà	NKT nặng là trẻ em	3616	30/07/2021	2,0	720.000	1.000.000	01/07/2024
38	PHẠM VĂN VÂN	27/07/2023	Ba Nhà	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	3738	26/12/2023	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
39	Phạm Thị Xâm	01/01/1930	Ba Nhà	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	492	27/02/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
40	Phạm Thị Xin	01/01/1970	Ba Nhà	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	495	27/02/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
41	Phạm Tuấn Bảo	27/02/2023	Gò Khôn	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	929	21/04/3023	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
42	Phạm Dân	11/09/2023	Gò Khôn	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	3739	26/12/2023	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
43	Phạm Văn Đênh	10/06/1943	Gò Khôn	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	993	05/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
44	Phạm Thị Đờ	01/01/1939	Gò Khôn	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	1049	11/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
45	Phạm Văn Đoi	16/05/1943	Gò Khôn	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	802	29/03/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024

46	Phạm Minh Duy	24/08/2023	Gò Khôn	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	3717	25/12/2023	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
47	Phạm Thị Ghê	15/03/1997	Gò Khôn	Người đơn thân nghèo đang nuôi 02 con	3604	30/07/2021	2,0	720.000	1.000.000	01/07/2024
48	Phạm Thị Hiền	11/04/2023	Gò Khôn	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	1489	13/07/2023	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
49	Phạm Thị Họ	10/03/1996	Gò Khôn	NKT nặng từ 16-60 tuổi	3618	30/07/2021	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
50	Phạm Văn Hoang	21/04/2022	Gò Khôn	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	3902	14/11/2022	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
51	Phạm Văn Hư	01/01/1938	Gò Khôn	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	1133	19/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
52	Phạm Đăng Khoa	16/05/2022	Gò Khôn	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	396	02/03/2023	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
53	Phạm Văn Khuy	17/09/2022	Gò Khôn	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	3901	14/11/2022	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
54	Phạm Thanh Lưng	04/12/2022	Gò Khôn	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	928	21/04/2023	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
55	Phạm Thị Luân	01/01/1953	Gò Khôn	NKT nặng là NCT	3622	30/07/2021	2,0	720.000	1.000.000	01/07/2024
56	Phạm Thị Ngã	01/01/1944	Gò Khôn	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	1132	19/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024

57	Phạm Thị Nghĩa	01/01/1930	Gò Khôn	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	1039	10/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
58	Phạm Văn Nghìn	01/01/1942	Gò Khôn	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	1110	16/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
59	Phạm Văn Ngoan	01/01/1949	Gò Khôn	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	1145	22/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
60	Phạm Văn Ngừ	01/01/1943	Gò Khôn	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	1106	16/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
61	Phạm Thị Ngum	01/01/1949	Gò Khôn	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	997	05/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
62	Phạm Thị Nhâm	03/09/1945	Gò Khôn	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	1126	19/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
63	PHẠM THỊ NHI	01/01/1930	Gò Khôn	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	648	14/03/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
64	Phạm Nam Nhi	02/08/2022	Gò Khôn	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	3905	14/11/2022	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
65	Phạm Văn Phát	08/12/2021	Gò Khôn	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	2144	23/08/2022	1,50	540.000	750.000	01/07/2024

66	Phạm Văn Phiên	16/04/1984	Gò Khôn	Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 01 con	401	02/03/2023	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
67	Phạm Thị Quế	01/11/2023	Gò Khôn	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	193	15/01/2024	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
68	Phạm Thị Y Quyên	16/01/2023	Gò Khôn	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	398	02/03/2023	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
69	Phạm Văn Rin	01/01/1944	Gò Khôn	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	1107	16/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
70	Phạm Văn Sinh	03/02/2023	Gò Khôn	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	397	02/03/2023	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
71	Phạm Văn Thu	01/01/1943	Gò Khôn	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	1555	27/05/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
72	Phạm Thị Thanh Tuyền	09/04/2022	Gò Khôn	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	1688	29/06/2022	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
73	Phạm Thị Thùy Tuyết	21/12/2023	Gò Khôn	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	575	11/03/2024	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
74	Phạm Thị Âm	01/01/1947	Nước Lô	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	718	25/03/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
75	Phạm Thiên Bảo	17/09/2004	Nước Lô	NKT nặng từ 16-60 tuổi	3613	30/07/2021	1,50	540.000	750.000	01/07/2024

76	Phạm Thị Chư	01/01/1986	Nước Lô	Chăm sóc: NKT đặc biệt nặng được nuôi dưỡng trực tiếp, chăm sóc	3610	30/07/2021	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
77	Phạm Văn Đều	01/01/1949	Nước Lô	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	719	25/03/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
78	Phạm Văn Giờ	01/01/1939	Nước Lô	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	985	04/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
79	Phạm Thị Hạnh	01/01/1938	Nước Lô	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	647	14/03/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
80	Phạm Văn Hoang	05/05/2023	Nước Lô	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	2164	18/09/2023	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
81	Phạm Đăng Khôi	15/12/2023	Nước Lô	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	386	26/01/2024	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
82	Phạm Văn Kiệt	11/05/2013	Nước Lô	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	3612	30/07/2021	2,50	900.000	1.250.000	01/07/2024
83	TRƯƠNG THỊ XUÂN LỘC	18/09/2023	Nước Lô	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	3715	25/12/2023	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
84	Phạm Thị Lun	01/01/1947	Nước Lô	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	790	28/03/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
85	Phạm Thị Manh	01/01/1965	Nước Lô	NKT nặng từ 16-60 tuổi	3621	30/07/2021	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
86	Phạm Văn Ngọc	02/03/1939	Nước Lô	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	720	25/03/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024

87	Phạm Thị Ngõi	01/01/1949	Nước Lô	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	785	28/03/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
88	Phạm Thị Bảo Nhi	23/09/2021	Nước Lô	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	1659	29/06/2022	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
89	Phạm Văn Nhóc	01/01/1971	Nước Lô	NKT nặng từ 16-60 tuổi	3615	30/07/2021	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
90	Phạm Văn No	01/01/1944	Nước Lô	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	1109	16/04/2024	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
91	Phạm Thị Nói	01/01/1938	Nước Lô	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng	3609	30/07/2021	1,0	360.000	500.000	01/07/2024
92	Phạm Văn Tên	15/09/1997	Nước Lô	NKT nặng từ 16-60 tuổi	3614	30/07/2021	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
93	Phạm Thị Yến Thu	15/11/2022	Nước Lô	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	395	02/03/2023	1,50	540.000	750.000	01/07/2024
94	Phạm Minh Tuấn	03/05/2023	Nước Lô	Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn	3716	25/12/2023	1,50	540.000	750.000	01/07/2024

Danh mục dân tộc

ID	Tên danh mục
1	Kinh (Việt)
2	Tày
3	Thái
4	Hoa
5	Khơ-me
6	Mường
7	Nùng
8	H'Mông
9	Dao
10	Gia Rai
11	Ngái
12	Ê-đê
13	Ba Na
14	Xơ Đăng
15	Sán Chay
16	Cơ Ho
17	Chăm
18	Sán Dìu
19	Hrê
20	Mnông
21	Ra-glai
22	Xtiêng
23	Bru Vân Kiều
24	Thổ
25	Giáy
26	Cơ-tu
27	Giê-Triêng
28	Mạ
29	Khơ mú
30	Co
31	Tà Ôi
32	Chơ Ro
33	Kháng
34	Xinh Mun
35	Hà Nhì
36	Chu Ru

STT	ID
1	1.1
2	1.2
3	1.3
4	2.0
5	3.1
6	3.2
7	3.3
8	4.1
9	4.2
10	4.3
11	4.4
12	4.5
13	4.6
14	4.7
15	4.8
16	4.9
17	4.10
18	4.11
19	4.12
20	4.13
21	4.14
22	4.15
23	4.16
24	4.17
25	4.18
26	4.19
27	4.20
28	5.1
29	5.2
30	5.3
31	5.4
32	5.5
33	6.1
34	6.2
35	6.3
36	6.4

Danh mục loại đối tượng BTXH

Loại đối tượng
Trẻ em dưới 4 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng
Trẻ em từ 4 đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng
Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn
Người từ 16-22 tuổi đang đi học không có nguồn nuôi dưỡng
Trẻ em dưới 4 tuổi nhiễm HIV thuộc hộ nghèo
Trẻ em từ 4 đến dưới 16 tuổi nhiễm HIV thuộc hộ nghèo
Người từ 16 tuổi trở lên nhiễm HIV thuộc hộ nghèo
Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 01 con
Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 02 con
Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 03 con
Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 04 con
Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 05 con
Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 06 con
Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 07 con
Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 08 con
Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 09 con
Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 10 con
Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con
Người đơn thân nghèo đang nuôi 02 con
Người đơn thân nghèo đang nuôi 03 con
Người đơn thân nghèo đang nuôi 04 con
Người đơn thân nghèo đang nuôi 05 con
Người đơn thân nghèo đang nuôi 06 con
Người đơn thân nghèo đang nuôi 07 con
Người đơn thân nghèo đang nuôi 08 con
Người đơn thân nghèo đang nuôi 09 con
Người đơn thân nghèo đang nuôi 10 con
Người từ đủ 60 đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng
Người từ đủ 80 tuổi trở lên thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng
Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng
NCT thuộc hộ nghèo đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở BTXH nhưng được nhận chăm sóc tại cộng đồng
Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn
NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi
NKT đặc biệt nặng là NCT
NKT nặng từ 16-60 tuổi
NKT nặng là NCT

[illegible]

Danh mục dạng tật

ID	Dạng tật
1	Vận động
2	Nghe nói
3	Nhìn
4	Thần kinh, tâm thần
5	Trí tuệ
6	Khác

Danh mục mức độ khuyết tật

ID	Tên danh mục
1	Nhẹ
2	Nặng
3	Đặc biệt nặng

Danh mục môi quan hệ

ID	Tên danh mục
1	Chủ hộ
2	Vợ/chồng
3	Con
4	Bố/mẹ
5	Ông/bà
6	Cháu ruột
7	Anh/chị/em
8	Khác

ID
Vietcombank
MB
Techcombank
Agribank
HDBank
SHB
VIB
MSB
SCB
VDB
SeABank
OCB
Eximbank
LienVietPostBank
TPBank
PVcomBank
Woori
Bac A Bank
HSBC
SCBVL
PBVN
ABBANK
Shinhan Bank
VietABank
DongA Bank
UOB
Vietbank
Nam A Bank
NCB
OceanBank
CIMB
Viet Capital Bank
Kienlongbank
IVB
BAOVIET Bank
SAIGONBANK

[illegible]

D

Tên ngân hàng	ID
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)	Viettel Mo
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB Bank)	MoMo
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương (Techcombank)	ZaloPay
Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam (Agribank)	VN Pay
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	VinID
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)	VNPT Mo
Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB)	
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB)	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB)	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)	
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank)	
Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB)	
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu (Eximbank)	
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LienVietPostBank)	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank)	
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank)	
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam (Woori)	
Ngân hàng TMCP Bắc Á (Bac A Bank)	
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (HSBC)	
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam (SCBVL)	
Ngân hàng TNHH MTV Public Bank Việt Nam (PBVN)	
Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK)	
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam (Shinhan Bank)	
Ngân hàng TMCP Việt Á (VietABank)	
Ngân hàng TMCP Đông Á (DongA Bank)	
Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam (UOB)	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	
Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank)	
Ngân hàng TMCP Quốc dân (NCB)	
Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank)	
Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam (CIMB)	
Ngân hàng TMCP Bản Việt (Viet Capital Bank)	
Ngân hàng TMCP Kiên Long (Kienlongbank)	
Ngân hàng TNHH Indovina (IVB)	
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIET Bank)	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (SAIGONBANK)	

[illegible]

Phân loại ví điện tử

[illegible]